TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2024/DS-ST
Ngày 24-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng;

2. Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thùy N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Út D, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thùy N trình bày: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Út D có làm chủ hụi lâu năm ở địa phương, bà có tham gia chơi hụi của vợ chồng bà L, ông D như sau:

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 vợ chồng bà Lê Thị L và ông Nguyễn Út D có mở hụi 5.000.000 đồng, hụi này gồm 12 phần hụi (chưng hụi), hụi ba tháng khui một lần, dây hụi này bà tham gia 2,5 phần hụi. Bà đóng hụi được 05 lần tới ngày 28 tháng 9 năm 2023 thì bà Lê Thị L và ông Nguyễn Út Dương Đ hụi, số tiền bà đóng hụi là 38.750.000 đồng

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 vợ chồng bà L, ông D có mở hụi 10.000.000 đồng, hụi này gồm 12 phần hụi, hụi sáu tháng khui một lần, bà tham gia 01 phần hụi. Bà đóng hụi được 04 lần tới ngày 28 tháng 9 năm 2023 thì vợ chồng bà L, ông Dương đình H, số tiền mà bà đóng hụi cho vợ chồng bà L, ông D là 24.800.000 đồng

Tổng số tiền hụi tháng là 63.550.000 đồng.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 vợ chồng bà L, ông D có mở hụi 02 chỉ vàng, hụi này sáu tháng khui một lần, hụi vàng này có 11 chưng, hụi này bà tham gia chơi 2,5 phần hụi. Số vàng mà bà đóng đến đình hụi là 7.904 (bảy chỉ chín phân bốn ly) vàng 24k.

Ngoài ra, bà có làm chủ hụi, vợ chồng bà L, ông D có tham gia chơi hụi của bà. Sau khi tham gia chơi hụi của bà, vợ chồng bà L, ông D có hốt hụi và không đóng hụi lại. Sau đó bà đã gặp và tổng kết lại số tiền mà vợ chồng bà L, ông D nợ bà là 1.094.085.000 đồng, có biên nhận mà là L đã ký tên cho bà.

Tổng số tiền vợ chồng bà L, ông D nợ bà là 1.157.635.000 đồng và 7,904 chỉ vàng 24k (bảy chỉ chín phân bốn ly). Bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông D trả toàn bộ số nợ trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm 63.550.000 đồng tiền nợ hụi mà bà là hụi viên và 7.904 chỉ vàng 24k. Bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà L, ông D trả số tiền 1.094.085.000 đồng (là tổng số tiền nợ hụi mà bà làm chủ hụi và bị đơn tham gia tư cách của hụi viên).

Theo biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 7 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Út D trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có nợ tiền hụi của bà N nhưng không nhớ nợ bao nhiêu. Ông đã chuyển trả cho bà N nhiều lần nhưng không nhớ đã trả bao nhiêu. Ông sẽ cung cấp sao kê ngân hàng cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thùy N khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ giao dịch hụi nên đây là các tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Út D cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông D, bà L vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có bà N cung cấp tài liệu chứng cứ, ông D trình bày nội dung vụ án. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà N cho rằng vợ chồng bà L, ông D có nợ bà số tiền chơi hụi là 1.094.085.000 đồng (là tổng số tiền nợ hụi mà bị đơn là hụi viên, nguyên đơn là chủ hụi). Lời khai của ông D thừa nhận ông có nợ của bà N nhưng không nhớ nợ bao nhiêu tiền. Mặc dù bà L không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nhưng theo giấy tính nợ ngày 16 tháng 11 năm 2023 mà bà N xuất trình thì bà L có ký xác nhận vào biên nhận. Nội dung giấy tính tiền mà bà N xuất trình thể hiện bà L có nợ của bà N số tiền 1.094.085.000 đồng. Do đó, theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, số tiền 1.094.085.000 đồng là nợ chung của vợ chồng bà L, ông D. Ông D cho rằng đã trả được một phần nợ cho bà N nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Như vậy việc bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông D trả tiền nợ hụi là có căn cứ nên áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, buộc vợ chồng bà L, ông D trả số tiền 1.094.085.000 đồng nợ hụi. Bà N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông D trả số tiền gồm 63.550.000 đồng tiền nợ hụi mà bà là hụi viên và 7.904 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện gồm 63.550.000 đồng và 7.904 chỉ vàng 24k của bà N.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Út D phải chịu 36.000.000 đồng + (394.085.000 đồng x 3%) = 47.822.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Toàn bộ yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Út D trả cho bà Nguyễn Thùy N số tiền 1.094.085.000 (một tỉ không trăm chín mươi bốn triệu không trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu trả 63.550.000 đồng và 7.904 chỉ vàng 24k của bà Nguyễn Thùy N.

3. Về án phí: Vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Út D phải chịu 47.822.000 (bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho bà Nguyễn Thùy N 24.244.000 (hai mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005178 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

Nguyễn Văn Hợp